

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2023.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn”;
tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Ông Châu Văn Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 08 và ngày 19 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 559/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn” và tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Ông Võ Phước T, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng VN (A)

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, thành phố Hà

Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của ông Vượng: Ông Trần Hoài M – chức vụ: Giám

độc Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: khu A, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông M Bà Nguyễn Anh Th – chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị và anh T đã ly thân từ tháng 08/2022 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Phước T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Thị Anh Th1 sinh ngày 05/10/2004 và cháu Võ Thị Anh Th2 sinh ngày 10/3/2008. Cháu Anh Th1 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Anh Th2 hiện nay đang sống cùng anh T, sau khi ly hôn chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Phần đất thửa 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và căn nhà diện tích 91,7m² (gồm nhà chính diện tích 79,2m² và nhà tạm 12,5m²), mái che diện tích 35,6m² nằm trên thửa 572. Nay chị Tr chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia ½ căn nhà trên phần đất thửa 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Chị Tr xin rút yêu cầu chia quyền sử dụng đất thửa 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và 01 xe moto hiệu Vario.

Về các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Chị tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Phần tiền anh T vay của Ngân hàng A, anh T sử dụng cho cá nhân anh T. Giữa chị Tr và anh T không có phần nợ chung.

* Bị đơn anh Võ Phước T trình bày: Anh và chị Tr tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do trong suốt thời gian chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Từ tháng 10/2022 đến nay, anh và chị Tr không còn sống chung nhà, không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống tự ai nấy lo. Anh T đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Thị Anh Th1 sinh ngày 05/10/2004 và cháu Võ Thị Anh Th2 sinh ngày 10/3/2008. Cháu Anh Th1 hiện

nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh Tuyền yêu cầu được nuôi cháu Anh Th2, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Phần đất thửa 572 tọa lạc tại ấp BT, xã DHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang là do cha mẹ anh T tặng cho lại đây là tài sản riêng của anh. Căn nhà trên đất được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị Tr chung sống nhưng nguồn tiền là của anh T bỏ ra. Đối với yêu cầu chia đôi phần đất và nhà nêu trên, anh T không đồng ý.

Về nợ chung: Khoản nợ 60.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 ngày 02/3/2022 giữa anh T và Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện Chợ Gạo là khoản nợ riêng của anh T, anh T đồng ý một mình trả khoản nợ này nhưng hiện nay khoản nợ chưa đến hạn trả nên đề nghị được trả theo thỏa thuận trong hợp đồng.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng VN (A) trình bày: Ngày 02/3/2022, Ngân hàng sau quá trình thỏa thuận với ông Võ Phước T (người đại diện theo ủy quyền số 25 ngày 02/03/2022) đã ký hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 với hạn mức cho vay 60.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 6904-LDS-202201431 ngày 04/03/2022 được phân làm 03 kỳ trả nợ thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 02/03/2025. Dư nợ gốc hiện tại 59.500.000 đồng.

Tình hình nợ vay của ông Võ Phước T đến hết ngày 17/07/2023 tổng số tiền còn nợ Ngân hàng là 61.880.408 đồng, trong đó nợ gốc 59.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.380.408 đồng.

Để đảm bảo khoản nợ vay ông Võ Phước T đã giao cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL980905 số vào sổ CS27101 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/3/2018 do ông Võ Phước T đứng tên, diện tích 165,8m² đất trồng cây lâu năm.

Ngân hàng có trao đổi với ông Tuyền về khoản vay của ông Tuyền và bà Trúc, yêu cầu ông Tuyền và bà Trúc trả nợ Ngân hàng nhưng ông Tuyền không đồng ý và yêu cầu trả nợ theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng xét thấy việc ly hôn giữa ông Tuyền và bà Trúc ảnh hưởng đến khoản vay tại Ngân hàng. Vì vậy nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Võ Phước T và bà Nguyễn Thị Tr phải trả cho Ngân hàng số tiền 61.880.408 đồng. Nếu ông Tuyền, bà Trúc không trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi tài sản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu Tòa án được ly hôn với anh T, về con chung đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà diện tích 91,7m²

(gồm nhà chính diện tích 79,2m² và nhà tạm 12,5m²), mái che diện tích 35,6m² nằm trên thửa đất số 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đề nghị nhận 1/2 giá trị căn nhà là 161.430.700 đồng. Đồng ý liên đới cùng anh T trả số tiền nợ vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Các yêu cầu khác nguyên đơn xin rút không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Bị đơn anh Võ Phước T đồng ý ly hôn với chị Tr, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của chị Tr. Đối với yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Chợ Gạo, anh T đồng ý trả nhưng đề nghị được trả theo kỳ hạn trả nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 ngày 02/3/2022. Ngoài ra không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng VN đề nghị buộc ông Võ Phước T và bà Nguyễn Thị Tr phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/9/2023 là 59.500.000 đồng tiền vốn, 3.554.106 đồng tiền lãi, tổng cộng là 63.054.106 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm trở đi, ông Tuyền và bà Trúc còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Nếu ông Tuyền, bà Trúc không trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản theo qui định của pháp luật để thu hồi tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, về con chung giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Tr về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà diện tích 91,7m² (gồm nhà chính diện tích 79,2m² và nhà tạm 12,5m²), mái che diện tích 35,6m² nằm trên thửa đất 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đề nghị nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 161.430.700 đồng. Các yêu cầu còn lại chị Tr đồng ý rút đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định pháp luật. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng VN– Chi nhánh huyện Chợ Gạo về việc buộc anh T và chị Tr có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 63.054106 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và sự có mặt vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn” và tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn anh Võ Phước T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr về việc được ly hôn với anh Võ Phước T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị Tr và anh T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 14/7/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, chị Tr và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh T thống nhất về thời điểm kết hôn, chung sống và mâu thuẫn, anh thống nhất cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội

đồng xét xử xét thấy việc chị Tuyền yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Tr và anh T có 02 con chung là cháu Võ Thị Anh Th1 sinh ngày 05/10/2004 và cháu Võ Thị Anh Th2 sinh ngày 10/3/2008. Cháu Anh Th1 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Tr trình bày anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư, chị Tr đồng ý giao cháu Thư cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Thư đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị Tr và anh T phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung:

[2.4.1] Chị Tr cho rằng căn nhà được xây cất trong thời kỳ hôn nhân, nguồn tiền là của hai vợ chồng, đây là tài sản chung của vợ chồng, chị Tr yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà diện tích 91,7m² (gồm nhà chính diện tích 79,2m² và nhà tạm 12,5m²), mái che diện tích 35,6m² nằm trên thửa đất 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đề nghị nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

Anh T thừa nhận căn nhà được xây dựng trong thời kỳ anh T và chị Tr chung sống nhưng anh T cho rằng nguồn tiền bỏ ra xây dựng là của anh T và cho rằng đây là tài sản riêng của anh T, không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của chị Tr. Anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh, chị Tr không thừa nhận.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 21/02/2023 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn MKF Việt Nam, căn nhà có giá trị 322.861.400 đồng. Chị Tr yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 161.430.700 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4.2] Quá trình tố tụng nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe Vario tuy nhiên chị Tr không cung cấp được thông tin liên quan giấy chứng nhận đăng ký xe. Tại phiên tòa anh T cũng không cung cấp thông tin liên quan chiếc Vario.

Tại phiên tòa, chị Tr xin rút yêu cầu chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Vario và quyền sử dụng đất thửa đất số 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m²

tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh Võ Phước T không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố liên quan chiếc xe Vario và quyền sử dụng đất thửa đất số 572.

Căn cứ theo quy định, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr về việc chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ giá trị 01 chiếc xe moto hiệu Vairo và quyền sử dụng đất thửa đất số 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2.4.3] Về công sức đóng góp: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Tr và anh T thống nhất chỉ có căn nhà tiền chế đến năm 2009 mới bơm cát để xây dựng nhà kiên cố.

Chị Tr thừa nhận anh T nhận tặng cho từ cha mẹ ruột của anh T thửa 572 là đất cây lâu năm; hiện nay theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 572, tờ bản đồ số 37 là đất cây lâu năm không phải thổ cư. Năm 2019, khi xây dựng nhà có tiến hành bơm cát, nâng nền do nền đất cũ thấp hơn nền đường. Chị Tr và anh T thống nhất thừa nhận ngoài việc bơm cát thì không có cải tạo gì thêm đối với thửa đất số 572.

Việc bơm cát đã được xem xét khi thực hiện thủ tục định giá nhà tranh chấp và đã được xem xét khi giải quyết chia giá trị căn nhà. Đồng thời trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công sức đóng góp.

[2.5] Về nợ:

[2.5.1] Ngày 02/03/2022, Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và anh Võ Phước T ký kết hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 với hạn mức cho vay là 60.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 11,75%/năm, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình, được phân làm 03 kỳ trả nợ vốn và lãi (kỳ 01 ngày 02/03/2023, kỳ 2 ngày 02/3/2024, kỳ 3 ngày 02/3/2025), thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 02/03/2025 và Ngân hàng có giữ hộ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL980905 số vào sổ CS27101 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/3/2018 cho anh Võ Phước T. Trong quá trình vay anh T đã trả 500.000 đồng tiền vốn và trả đủ tiền lãi ở kỳ trả nợ ngày 02/03/2023; hiện nay còn nợ lại 59.500.000 đồng tiền vốn. Khi ký kết hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị Tr ủy quyền cho anh T toàn quyền thay mặt và nhân danh chị Tr xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng VN – chi nhánh huyện Chợ Gạo theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/3/2022.

[2.5.2] Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh T và chị Tr trả số tiền vốn là 59.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2023 là 3.554.106 đồng, tổng cộng là 63.054.106 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm trở đi, anh T và chị Tr còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Ngân hàng thừa nhận anh T và chị Tr không vi phạm thỏa thuận trả vốn và lãi theo thỏa thuận nhưng nhận thấy việc ly hôn giữa chị Tr và anh T có ảnh hưởng đến khoản vay, căn cứ theo thỏa thuận tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 ngày 02/3/2022.

Anh T và chị Tr cho rằng khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 ngày 02/3/2022 là khoản nợ riêng của anh T nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ. Phía Ngân hàng không đồng ý với lý do khi ký hợp đồng tín dụng chị Tr có ủy quyền cho anh T và mục đích vay là để sử dụng cho hộ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh T và chị Tr phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.5.3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Theo thỏa thuận tại Điều 03 Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 ngày 02/3/2022 được ký kết giữa Ngân hàng và anh T: khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản (giữ hộ theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và nghị định số 116/2018/NĐ-CP bổ sung sửa đổi Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2018). Như vậy việc vay tiền giữa Ngân hàng và anh T, chị Tr không có tiến hành thủ tục thế chấp tài sản nên không có cơ sở xem xét việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản.

Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho anh T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS27101 ngày 09/3/2015 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Võ Phước T.

[2.5.4] Ngoài khoản nợ Ngân hàng VN nêu trên, anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị Tr còn khai có khoản nợ 1.120.000.000 đồng nhưng anh T và chị Tr không cung cấp họ, tên, địa chỉ của các chủ nợ và các tài liệu liên quan đến việc vay nợ, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, các đương sự nếu xét thấy quyền lợi bị ảnh hưởng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Chị Tr tự nguyện chịu các chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị Tr phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm hợp đồng tín dụng theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Võ Phước T.

- Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Võ Thị Anh Th2 sinh ngày 10/3/2008 cho anh Võ Phước T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Võ Phước T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Võ Thị Anh Th1 sinh ngày 05/10/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr về việc chia $\frac{1}{2}$ căn nhà diện tích 91,7m² (gồm nhà chính diện tích 79,2m² và nhà tạm 12,5m²), mái che diện tích 35,6m² nằm trên thửa đất 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đề nghị xin nhận bằng giá trị là 161.430.700 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu bốn trăm ba mươi ngàn bảy trăm đồng).

Anh Võ Phước T được quyền sở hữu căn nhà diện tích 91,7m² (gồm nhà chính diện tích 79,2m² và nhà tạm 12,5m²), mái che diện tích 35,6m² nằm trên thửa đất 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo) và có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho chị Nguyễn Thị Tr với số tiền là 161.430.700 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu bốn trăm ba mươi ngàn bảy trăm đồng).

Anh Võ Phước T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr về việc yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe moto hiệu Vario và quyền sử dụng đất thửa đất 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS27101 ngày 09/3/2018 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Võ Phước T.

Chị Nguyễn Thị Tr được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về việc yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe moto hiệu Vario và quyền sử dụng đất thửa đất 572, tờ bản đồ số 37, diện tích 165,8m² tọa lạc tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS27101 ngày 09/3/2018 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Võ Phước T theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN.

Buộc anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn gốc là 59.500.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng), tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 19/9/2023 là 3.554.106 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn một trăm linh sáu đồng), tổng cộng là 63.054.106 đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn ngàn một trăm linh sáu đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, anh T và chị Tr còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-202201030 ngày 02/3/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì

lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 8.071.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 6.300.000 đồng theo Biên lai thu số 0025385 ngày 24/11/2022 và biên lai thu số 0025572 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 2.071.000 đồng.

Anh Võ Phước T phải chịu 8.071.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 3.152.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm hợp đồng tín dụng.

Hoàn lại cho Ngân hàng VN 1.547.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026165 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã ĐHP, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung